

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-PT

Ngày 19-8-2022

V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai H2

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H (Phạm Văn Ngh), sinh năm 1967; nơi đăng ký hộ khẩu; Xóm 17, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định; hiện ở; Khóm 2, phường I, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 17, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941; nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm 17, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định; hiện ở: Khóm 2, Phường I, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu;

2. Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp Thắng M, xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;

3. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố 2, Phường TĐ, thị xã

BC, tỉnh Bình Dương;

4. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1970; địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu;

5. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm 2, Phường I, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;

6. Chị Phạm Lan H2, sinh năm 2001; địa chỉ: Xóm 17, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh H, chị H1 có mặt. Bà M, bà M1, bà Nh, bà Th, chị T, chị H2 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2020 và lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn H (Phạm Văn Ngh) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H1 tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Phong, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào năm 1999. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Thực tế anh và chị H1 ở với nhau được hơn một năm, sau đó anh đi vào Cà Mau làm ăn thỉnh thoảng có đi về thăm chị H1. Từ năm 2001 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của anh được xin ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Phạm Lan H2, sinh ngày 10/10/2001; hiện cháu H2 đang H năm thứ ba Đại H Kiến Trúc-Hà Nội. Nay cháu H2 đã trưởng thành, khi ly hôn anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Trước đây anh cũng có mấy lần gửi tiền về thông qua nhờ bà Tám, bà Thêu để chuyển tiền đến cho chị H1 nuôi con, ngoài ra anh còn có hơn sào ruộng để lại cho chị H1 cấy trước khi anh đi vào Miền Nam để lấy thóc nuôi con. Do vậy chị H1 nói anh không có trách nhiệm với con là không đúng.

Về tài sản: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai anh trình bày không có tài, không nợ nần của ai, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị H1 không tạo lập được bất kỳ khối tài sản chung nào. Đối với chị H1 cho rằng bố đẻ anh là ông Phạm Văn Tả viết giấy nhượng đất viết tay cho chị H1 ngày 12/5/2006 với chiều rộng là 9m, chiều dài khoảng 24, tổng diện tích 216m², để làm nhà ở thì anh không biết, đến khi anh khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H1 thì mới được biết. Việc bố anh tự ý nhượng đất cho chị H1 chỉ được viết bằng giấy viết tay không được công chứng, chứng thực là trái với quy định của pháp luật. Năm 2018 ông Tả mất không để lại di chúc thì đây là tài sản chung của mẹ anh và 5 anh chị em anh. Chị H1 là con dâu không có liên quan đến đất. Thời điểm năm 2006 đất là tài sản chung của bố mẹ anh nên một mình bố anh không có quyền tự chuyển nhượng đất cho chị H1 khi chưa có chữ ký và sự nhất trí của mẹ anh. Bản thân anh ở xa không biết việc này, anh đề nghị Tòa án không công nhận giao dịch chuyển nhượng diện tích 216m² giữa bố anh và chị H1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H là bà Đặng PH2 Chi và ông Nguyễn Kim Tuyền đều trình bày: Nhất trí với lời trình bày của anh H và bổ sung;

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H1 kết hôn hợp pháp, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra giữa chị H1 và mẹ chồng cũng mâu thuẫn căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân 20 năm, anh H xin ly hôn là chính đáng cũng như chị H1 nhất trí ly hôn. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh H và chị H1.

Về con chung: Anh H và chị H1 có 1 một con chung là cháu Phạm Lan H2, sinh ngày 10/10/2001. Khi cháu H2 còn nhỏ thì ở với chị H1, anh H đã để lại tiêu chuẩn đất ruộng để chị H1 làm ruộng và thỉnh thoảng có gửi tiền về cho cháu H2. Nay anh H và chị H1 ly hôn cháu H2 có thể lựa chọn ở với H1 hoặc anh H.

Về tài sản: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H1 không có tài sản chung, sau khi kết hôn với anh H thì chị H1 ở cùng với gia đình anh H, được thời gian thì anh H đi vào Nam làm ăn.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị H1.

Ông Phạm Văn Tả là chủ sử dụng thửa đất có diện tích 2519m² trong đó có 175m² đất ở, đất vườn tạp 380m², đất ao 110m² còn lại đất ruộng, thửa đất này đã được UBND huyện Xuân Trường cấp ngày 19/2/1998. Sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của anh H thì chị H1 đưa ra yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng căn cứ vào giấy nhượng đất viết tay ngày 12/5/2006 của ông Phạm Văn Tả (bố đẻ anh H), theo đó ông Tả cắt một phần diện tích đất của hộ gia đình ông Tả cho vợ chồng anh H, chị H1. Thửa đất có kích thước 9m -11,6m x 24m, giấy nhượng đất này có một số bà con trong họ chứng kiến nhưng không công chứng, chứng thực. Anh H phản đối yêu cầu chia tài sản chung của chị H1, vì thửa đất này là tài sản của gia đình bố mẹ và 5 chị em, anh không biết việc ông Tả cho đất chị H1, bà M cũng như các con bà M không ai đồng ý chia đất cho chị H1.

Về hình thức của giấy nhượng đất: Theo quy định của khoản 2 Điều 689 BLDS năm 2005; Điểm b; khoản 2 Điều 126 của Luật đất đai năm 2003 thì hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải công chứng, chứng thực. Giấy nhượng đất viết tay ngày 12/5/2006 của ông Tả viết không có công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 134 của BLDS năm 2005 thì giao dịch dân sự này vô hiệu do không tuân theo quy định về hình thức.

Về nội dung: Theo quy định tại khoản 2, Điều 109 của BLDS năm 2005 thì việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên từ 15 tuổi trở lên đồng ý. Giấy viết tay của ông Tả là hành vi đơn phương, không được các thành viên trong Hộ gia đình đồng ý, giấy này là vô hiệu. Ngay cả trong trường hợp công nhận ý chí của cá nhân của ông Tả trong việc định đoạt phần quyền sở hữu riêng của ông Tả trong thửa đất cho hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 223 BLDS năm 2005 thì hành vi định đoạt này cũng vô hiệu. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 689, khoản 2 Điều 109, Điều

134, điểm b khoản 1, Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đề nghị HĐXX bác yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất được ghi trong giấy chứng nhận đất viết tay ngày 12/5/2006 do ông Phạm Văn Tả viết.

Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Anh H trình bày về việc kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung với bố mẹ chồng là ông Phạm Văn Tả, bà Nguyễn Thị M. Tháng 4 năm 2000 lúc đó chị đang mang thai tháng thứ tư, thì anh H đi vào Miền Nam làm ăn, sau khi chị sinh con được 13 tháng tuổi, anh H về nhà thăm bố bị gãy tay, sau đó anh H trốn khỏi nhà không quan tâm đến mẹ con chị. Từ đó đến nay anh H thỉnh thoảng mới điện thoại hỏi thăm con. Thực ra chị và anh H không có gì mâu thuẫn lớn nhưng bao nhiêu năm nay giữa anh H và chị không quan tâm đến nhau, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ có nín kéo cũng không mang lại kết quả hạnh phúc, nay anh H xin ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như anh H trình bày là đúng. Từ khi chị sinh cháu H2 cho đến nay cháu H2 đang H Đại H Kiến Trúc Hà Nội năm thứ 3, bản thân anh H không quan tâm về tình cảm cũng như chu cấp kinh tế cho chị để chị nuôi con, chị tính từ khi cháu H2 sinh ra là năm 2001 đến lớp 12 mỗi tháng tính là 5.000.000đ, một năm là 60.000.000đ; 12 năm x 60.000.000đ là 720.000.000đ chưa tính đến tiền ăn H 5 năm đại H, mỗi tháng chị tính chi phí cho cháu H2 là 7.500.000đ bao gồm tiền ăn, H phí, tiền thuê nhà, một năm là 90.000.000đ. Như vậy 5 năm x 90.000.000đ = 450.000.000đ; tổng tiền từ khi chị sinh con đến khi cháu H2 kết thúc đại H số tiền 1.170.000.000đ. Chị yêu cầu anh H phải có trách nhiệm thanh toán cho chị khoản tiền mà chị đã bỏ tiền nuôi con bao nhiêu năm nay. Nhưng nay chị suy nghĩ lại không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng khoản tiền này nữa nhưng mong muốn anh H cũng như phía bà M cắt một phần diện tích đất như biên bản mà ông Tả đã viết để mẹ con chị sau này có nơi ăn chỗ ở.

Về tài sản: Ngày 12/5/2006 ông Phạm Văn Tả có mời ông Loan xóm trưởng, ông Đạo là trưởng họ, ông Phúng là anh họ ông Tả, bà Thêu (chồng là Tiểu) là em dâu ông Tả, ông Đoàn, ông Thục là em họ của ông Tả, và ông Mạn là bố đẻ chị là thông gia đến để chứng kiến ông Tả viết giấy cho đất con trai, con dâu và cháu H2 diện tích phía bắc 9m, phía nam 11,6m, chạy dài từ bắc về nam là 24 (247.2m²). Sau khi ông Tả viết văn bản này, ông Tả có mời cán bộ địa chính xã, huyện đến đo đạc để làm thủ tục. Phần đất mà ông Tả cho đất vợ chồng chị nhưng chưa được làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Từ khi chị làm vợ anh H, chị ở với ông Tả cho đến khi ông Tả chết, sau khi ông Tả chết chị là người quản lý, trông coi nhà, đất của ông Tả cũng như thờ cúng thập H2 cho ông Tả, còn bà M cũng như các chị em của anh H đi Miền Nam làm ăn. Chị là người làm nghĩa vụ với nhà nước về đất của ông Tả. Hiện nay chị không có nơi ăn chỗ ở ngoài, chỗ mà chị ở của nhà ông Tả, chị đi làm ăn ở Hà Nội lấy tiền nuôi con ăn H. Nay chị yêu cầu bà M cùng anh H để phân diện tích đất mà ông Tả đã viết nhượng đất cho chị và cháu H2 để sau này chị và cháu H2 có chỗ ở,

do vậy anh H lên suy nghĩ lại. Khi được ông Phạm Văn Tả cho đất sau đó chị có mua mấy thuyền đất về để san lấp vào ao cụ thể theo như thẩm định là khối lượng là 19 khối x 120.000đ là 2.280.000đ; chị yêu cầu anh H và gia đình bà M phải thanh toán cho chị. Nhưng nay chị không yêu cầu anh H, bà M phải thanh toán khoản tiền này nữa nhưng với điều kiện anh H và bà M phải để lại một phần đất giáp với đất của ông Tọa để cho mẹ con chị làm được nhà ông. Bà M và anh H nói là sau khi ông Tả mất đi nhờ ông Tọa là người trong họ quản lý trông coi nhà cửa, đất đai là không đúng. Khi ông Tả còn sống những lúc ông Tả ốm đau chị là người trực tiếp chăm sóc, trông nom vì bà M, anh H và các chị em của anh H đều ở trong Miền Nam. Như vậy chị xác định mình là người có công sức chăm sóc cho ông Tả.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Văn Tả. Năm 2006 ông Phạm Văn Tả tự ý nhượng đất cho con dâu là Nguyễn Thị H1 mà không có chữ ký của bà, không hỏi ý kiến của bà, bản thân bà không biết vì thời điểm này bà không ở nhà. Bà đang ở Miền Nam với con gái là Phạm Thị T. Nay chị H1 là con dâu yêu cầu chia tài sản có liên quan đến phần đất của gia đình bà. Bà không đồng ý và đề nghị Tòa án không công nhận giao dịch chuyển nhượng đất giữa chồng bà và con dâu bà là Nguyễn Thị H1. Chồng bà là ông Tả mất năm 2018 không để lại di chúc. Đất này là tài sản của bà và 5 người con của bà. Chị H1 là con dâu không liên quan và không có quyền yêu cầu đề nghị chia đất của gia đình bà. Năm 2019 bà đã về quê bà có mời anh em trong họ đến nhà bà và nhờ ông Phạm Văn Tọa lập văn bản cho đất cháu H2 nhưng do cháu H2 hỗn láo không thừa nhận bà nội cũng như tự ý mang cổ ván của bà đi, bà yêu cầu cháu H2 trả lại nhưng cháu không trả nên bà không cho đất cháu H2 nữa.

Chị Phạm Thị T trình bày: Chị là con ruột của ông Phạm Văn Tả (ông Tả mất năm 2018) và bà Nguyễn Thị M. Ngày 12/5/2006 bố chị làm giấy nhượng đất cho chị Nguyễn Thị H1 (chị dâu của chị) tức con dâu của bố mẹ chị, vợ của anh Phạm Văn H, với diện tích đất ngang là 9m, dài khoảng 24 mét, tổng diện tích 216m², phần diện tích đất này có nguồn gốc là của bố mẹ chị. Năm 2018 bố chị mất không để lại di chúc thì đây là tài sản chung của mẹ chị và 5 chị em chị, chị H1 là con dâu không liên quan đến đất này. Khi làm giấy nhượng phần đất này bố chị không hề thông báo cho chị biết về việc này và cũng không hỏi ý kiến của chị có đồng ý không mà bố chị tự ý thực hiện việc nhượng phần đất cho chị H1 là phần đất được nhà nước cấp cho hộ gia đình chứ không phải cấp cho cá nhân bố chị, nếu như muốn nhượng đất cho ai cũng phải được sự đồng ý, thống nhất của mẹ chị và năm chị em chị. Nay anh trai chị là Phạm Văn H và chị H1 ly hôn đồng thời chị H1 yêu cầu chia phần đất trên cho chị H1 chị không đồng ý. Chị đề nghị Tòa án không công nhận diện tích đất 216m² giữa bố chị và chị H1.

Bà Phạm Thị M1 trình bày: Bà là con ruột của ông Phạm Văn Tả, bà Nguyễn Thị M, anh Phạm Văn H là em trai bà, chị Nguyễn Thị H1 là em dâu. Năm 2018 ông Tả mất tại Khóm 2, phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, khi bố bà mất đi không để lại di chúc văn tự gì. Khi ông Tả còn sống lập văn bản nhượng đất cho

chị H1 thì bà không biết nên bà không đồng ý với việc này khi anh H và chị H1 ly hôn.

Bà Phạm Thị Th trình bày: Bà là con của ông Phạm Văn Tả, bà Nguyễn Thị M, anh Phạm Văn H là em của bà, chị H1 là em dâu. Bố bà là ông Tả mất ngày 04/6/2018 (âm lịch), bố mẹ bà sinh được 5 người con gồm; Chị Phạm Thị M1, sinh năm 1960, cư trú; Ấp Thắng M, xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1964; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Anh Phạm Văn H (Phạm Văn Ngh), sinh năm 1967; hiện ở: Khóm 2, Phường I, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu và bà là Th, em gái Phạm Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm 2, Phường I, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu. Khi bố bà còn sống có lập văn bản nhượng đất cho vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị H1 vào ngày 12/5/2006 nhưng anh H và các con của bố bà ai cũng không đồng ý. Việc bố bà lập văn bản nhượng đất là do chị H1 ép buộc ông Tả. Bà không biết là bố bà đã hủy văn bản đó chưa. Bà không đồng ý với các yêu cầu của chị H1 vì chị H1 không thực hiện đúng bổn phận, trách nhiệm của người làm con dâu, tài sản của bố mẹ bà là đất để làm H2 hỏa, từ đường cho dòng họ sau này.

Đối với bà Phạm Thị Nh: Bà không đồng ý với việc làm của bố bà vì bố bà tự ý lấy đất sử dụng chung của hộ gia đình chia cho em trai bà là Phạm Văn H và em dâu bà là Nguyễn Thị H1.

Chị Phạm Lan H2 trình bày: Ngày 19/4/2019 (âm lịch bà nội chị là Nguyễn Thị M và cô chị là Phạm Thị T và chú Trần Văn Chiến là chồng của cô Phạm Thị T con rể của bà nội chị, ở Miền Nam về và bà nội chị có mời những ông bà về nhà bà của chị để viết giấy cho đất chị; gồm những người sau: Ông Phạm Trọng Lịch là xóm trưởng, bà Nguyễn Thị Thêu là trưởng ban Phụ nữ xóm; bà Nguyễn Thị Dậu là bí thư xóm, ông Phạm Văn Phụng là anh của ông nội chị, ông Phạm Văn Tọa là em của ông nội chị, ông Nguyễn Văn Nghĩ là em trai của bà nội chị, bà Nguyễn Thị Tiểu là em dâu của bà nội chị và một số ông bà là anh em bên ngoại của bà nội chị đến để chứng kiến bà nội chị (Phạm Thị M) nhờ ông Phạm Văn Tọa viết biên bản để cho đất chị và ông Phạm Trọng Lịch nói là thay mặt chính quyền địa p2 cắt đất cho con chị H1. Trong quá trình cho đất bà chị nói là “cho cháu chứ không cho con”. Phần đất được cho là; phía Đông giáp nhà anh Phạm Văn Quang Vinh với chiều rộng 5m, khoảng đất lẹo để lại”. Sau khi ông Phạm Văn Tọa viết xong biên bản cho đất chị vào hồi 22h, ngày 19/4/2019 thì tất cả những ông bà có mặt cũng như bản thân chị đều ký vào giấy xác nhận bà nội cho đất chị. Sau khi ông Tọa viết xong thì không cho chị đọc mà chỉ bắt chị ký. Chính vì sự việc chưa được rạch ròi công minh nên sau khi ông Phạm Văn Tọa viết xong văn bản cho đất chị thì chị có yêu cầu ông Tọa cho chị đọc lại văn bản ấy trước khi ký. Do ông Phạm Văn Tọa và ông Phạm Trọng Lịch không cho chị đọc lại văn bản viết tay đó nên chị có yêu cầu ông Phạm Văn Tọa đọc lại. Sau khi chị ký vào giấy xác nhận bà Nguyễn Thị M là bà nội chị cho đất chị nay tờ biên bản đó do ông Phạm Văn Tọa giữ và không đưa lại cho chị một giấy tờ nào. Nguyên vọng của chị là xin lại đất mà bà Nguyễn Thị M đã hứa cho chị.

- *Người làm chứng trình bày:*

Ông Phạm Đức Phúng trình bày: Ông và ông Phạm Văn Tả là quan hệ họ hàng, ông là anh con thúc bá với ông Tả. Khoảng buổi tối ngày 12/5/2006 ông Phạm Văn Tả có mời ông đến nhà ông Tả, hôm đó ông đến có ông Phạm Văn Loan là xóm trưởng xóm 17, xã Xuân Phong, ông Phạm Đức Đạo là ông chú họ của ông Tả ở xóm 17, xã Xuân Phong, bà Nguyễn Thị Tiểu là em dâu bà Tả, ngoài ra còn có ông Nguyễn Văn Mạn là bố đẻ của chị H1 là thông gia với ông Tả, có chị H1, ông Tả. Khi những người này có mặt đông đủ, ông Phạm Văn Tả có nói lý do mời các ông bà đến để chứng kiến việc ông Tả nói cắt một phần đất trong thổ của ông Tả cho vợ chồng anh H, chị H1 để làm nhà. Khi ông Tả nói như thế thì mọi người đều nhất trí, bởi vì chị H1 có nhu cầu làm nhà để ở. Còn nhà ông Tả có nhà 4 gian cũ. Sau khi ông Tả nói như thế, ông Tả đã nhờ ông Loan là xóm trưởng lúc bấy giờ lập biên bản cho đất anh H và chị H1, lúc này anh H đang ở trong Miền Nam có mỗi chị H1 ở nhà cùng với ông Tả, vợ ông Tả là bà Nguyễn Thị M và 4 con người đều ở trong Miền Nam. Ông không nhớ là diện tích đất cũng như các cạnh thửa đất. Sau khi ông Loan lập xong biên bản thì thông qua cho những người có mặt hôm đó để chứng kiến và ký vào biên bản xác nhận ông Tả cho đất vợ chồng anh H, chị H1.

Ông Phạm Văn Loan trình bày: Ông và ông Phạm Văn Tả có quan hệ họ xa. Ngày 12/5/2006, ông Phạm Văn Tả có mời ông đến nhà ông Tả, hôm đó ông đến có ông Phạm Văn Phúng, ông Phạm Đức Đạo, ông Phạm Văn Đoàn (đã chết), ông Phạm Văn Thục, bà Nguyễn Thị Tiểu đều ở xóm 17, xã Xuân Phong, ngoài ra còn có ông Nguyễn Văn Mạn là bố đẻ của chị H1 là thông gia với ông Tả, chị H1. Khi những người này có mặt đông đủ, ông Phạm Văn Tả có nói lý do mời các ông bà đến để chứng kiến việc ông Tả nói cắt một phần đất trong thổ của ông Tả cho vợ chồng anh H, chị H1 để làm nhà. Khi ông Tả nói như thế thì mọi người đều nhất trí, bởi vì chị H1 có nhu cầu làm nhà để ở. Còn nhà ông Tả có nhà 4 gian cũ, lúc này bà M là vợ ông Tả đã đi vào miền nam ở cùng với các con. Sau khi ông Tả nói như thế, ông Tả đã nhờ ông viết biên bản vì ông là xóm trưởng, nội dung cho đất anh H và chị H1, một chiều 9 mét, một chiều 11,6 mét, chiều dài từ bắc đến nam là 24 mét. Sau khi ông lập xong biên bản thì thông qua cho những người có mặt hôm đó chứng kiến và ký vào biên bản xác nhận ông Tả cho đất vợ chồng anh H, chị H1.

Bà Nguyễn Thị Thế, (lấy tên chồng là Tiểu) trình bày: Bà là em dâu chú họ bên ông Phạm Văn Tả. Năm 2006, ông Phạm Văn Tả có mời bà đến nhà ông Tả, hôm đó bà đến có ông Phạm Văn Loan là xóm trưởng, ông Phạm Văn Phúng là anh thúc bá của ông Tả, ông Phạm Văn Đạo, ông Phạm Văn Thục, ông Phạm Văn Đoàn (đã chết) và bà đều ở xóm 17, xã Xuân Phong, ngoài ra còn có ông Nguyễn Văn Mạn là bố đẻ của chị H1 là thông gia với ông Tả, chị H1. Khi những người này có mặt đông đủ, ông Phạm Văn Tả có nói lý do mời các ông bà đến để chứng kiến việc ông Tả nói cắt một phần đất trong thổ của ông Tả cho vợ chồng anh H, chị H1 để làm nhà. Khi ông Tả nói như thế thì mọi người đều nhất trí, bởi vì chị H1 có nhu cầu làm nhà để ở. Sau khi ông Tả nói như thế, ông Tả đã nhờ ông Loan là xóm trưởng lúc bấy giờ lập biên bản viết cho đất anh H và chị H1, lúc này anh H đang ở trong Miền Nam, có mỗi chị H1 ở nhà cùng với ông Tả, vợ ông Tả là

Nguyễn Thị M và 4 người con đều ở trong Miền Nam. Về diện tích bao nhiêu mét vuông thì bà không nhớ. Sau khi ông Loan lập xong biên bản thì thông qua cho những người có mặt hôm đó chứng kiến và ký vào biên bản xác nhận ông Tả cho đất vợ chồng anh H, chị H1.

Ông Nguyễn Văn Mạn trình bày: Ông là bố đẻ của chị H1, còn anh H là con rể ông. Năm 2006, một hôm chị H1 có sang nói với ông là bố chồng mời ông sang để nói chuyện ông Tả cho đất vợ chồng chị. Tối hôm đó ông sang nhà ông Tả, thì thấy có các ông Phạm Văn Loan, ông Phạm Đức Đạo, ông Phạm Văn Phúng, ông Phạm Văn Thục, bà Nguyễn Thị Tiểu, ngoài ra còn có một số người nữa ông không nhớ tên. Khi có mặt đông đủ ông Phạm Văn Tả nói cho đất vợ chồng anh H và chị H1 để chị H1 làm nhà ở. Ông Loan là người viết hộ văn bản cho ông Tả, ông Tả đọc như thế nào thì ông Loan viết như thế. Ông Tả nói cho 9 m ngang đầu trên, đầu dưới rộng hơn, chiều dài từ bắc về nam là 24m. Sau khi ông Loan lập văn bản xong thì thông qua mọi người ký.

Ông Phạm Đức Đạo trình bày: Lời trình bày của ông Loan, ông Phúng, bà Tiểu, ông Mạn là đúng. Khoảng buổi tối vào năm 2006, ông Phạm Văn Tả có mời ông đến nhà ông Tả, hôm đó ông đến có ông Phạm Văn Loan là xóm trưởng xóm 17, xã Xuân Phong, ông Phạm Văn Phúng là anh thúc bá của ông Tả ở xóm 17, xã Xuân Phong, bà Nguyễn Thị Tiểu là em dâu bà Tả, ngoài ra còn có ông Nguyễn Văn Mạn là bố đẻ của chị H1 là thông gia với ông Tả, còn có chị H1. Khi những người này có mặt đông đủ, ông Phạm Văn Tả có nói lý do mời các ông bà đến để chứng kiến việc ông Tả nói cắt một phần đất trong thổ của ông Tả cho vợ chồng anh H, chị H1 để làm nhà. Khi ông Tả nói như thế thì mọi người đều nhất trí, bởi vì chị H1 có nhu cầu làm nhà để ở. Còn nhà ông Tả có nhà 4 gian cũ, lúc này bà M là vợ ông Tả đã đi vào miền nam ở cùng với các con. Sau khi ông Tả nói như thế, ông Tả đã nhờ ông Loan là xóm trưởng lúc bấy giờ lập biên bản để cho đất anh H và chị H1, lúc này anh H đang ở trong Miền Nam, có mỗi chị H1 ở nhà cùng với ông Tả, vợ ông Tả là Nguyễn Thị M và 4 con người đều ở trong Miền Nam. Ông Tả nói cho 9 m chiều rộng phía đông thổ đất và chạy dài từ bắc về nam là 24 m. Sau khi ông Loan lập xong biên bản thì thông qua cho những người có mặt hôm đó chứng kiến và ký vào biên bản xác nhận ông Tả cho đất vợ chồng anh H, chị H1

Ông Nguyễn Minh Vương trình bày: Khoảng năm 2011 chị Nguyễn Thị H1 là con dâu của ông Phạm Văn Tả có cầm hồ sơ về việc ông Phạm Văn Tả nhượng đất cho vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị H1, hồ sơ gồm: giấy nhượng đất viết tay của gia đình lập ngày 12/5/2006 của ông Tả cho anh H, chị H1 (bản gốc); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Phạm Văn Tả - bản phô tô; sổ hộ khẩu của ông Phạm Đức Tả; chứng minh nhân dân của ông Phạm Đức Tả, giấy chứng minh nhân dân của anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị H1; sổ hộ khẩu của gia đình anh H, chị H1-đều là bản phô tô, bản sao khai sinh của Phạm Văn H. Khi chị H1 nộp hồ sơ cho ông, chị H1 có nói là mẹ chồng và anh H ở Miền Nam sẽ về làm thủ tục. Trước khi ông tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng đất của ông Tả cho vợ chồng anh H, chị H1, ông Tả có xuống nói và trình bày với xã đến đo đất để ông làm thủ tục cho đất vợ chồng anh H, chị H1. Sau khi ông Tả có ý kiến ông cùng với tổ đo đạc

của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuân Trường đã về đo đạc thực địa thửa đất của nhà ông Tả, ông Tả đã trực tiếp chỉ mô mốc để cho tổ đo đạc tiến hành và làm tách thửa đất. Sau khi có kết quả đo đạc thì mới hướng dẫn gia đình xây dựng hồ sơ. Sau khi chị H1 nộp hồ sơ, bản thân chị H1 có nói là ít thời gian nữa mẹ chồng và anh H sẽ về để làm thủ tục. Đợi không thấy bà Nguyễn Thị M là vợ ông Tả và anh Phạm Văn H là chồng chị H1 về để làm thủ tục ký các giấy tờ theo quy định của pháp luật (thủ tục tặng cho), do không làm được thủ tục nên Văn phòng đất đai huyện Xuân Trường cũng không gửi kết quả đo đạc cho gia đình ông Tả.

Ông Phạm Văn Tọa trình bày: Ông và ông Phạm Văn Tả, bà Nguyễn Thị M là quan hệ họ hàng, ông gọi ông Tả là anh con ông bác, còn anh H và chị H1 gọi ông là chú; hiện ông là bí thư chi bộ và trưởng ban công tác mặt trận của xóm 17, xã Xuân Phong. Bà M không có văn bản giấy tờ nào nói là ủy quyền cho ông quản lý, trông coi nhà cửa, đất đai của vợ chồng ông Tả, bà M. Trước khi ông Tả đi vào Bạc Liêu lần thứ nhất ông Tả có dặn ông là chú ở nhà trông cho anh cái nhà, cái cửa, còn vườn chú dọn cả để trồng cây gì mà ăn để khỏi cỏ mọc. Lần thứ hai ông Tả đi Bạc Liêu tiếp ông Tả dặn ông đợt này anh đi ngắn hạn khoảng 02 năm anh về tổ chức mừng thọ tuổi 80 đến tháng 4 năm 2018 thì ông Tả mất. Khi ông Tả dặn rằng nhà như thế thì ông rằng chứ ông không mở cửa nó khác với trông coi. Trong thời gian chị H1 đi làm ăn vẫn đi về nhà trông coi. Trong thời gian ông Tả mất 49 ngày thì chị H1 có nhờ ông hàng tuần sang thấp H2 cho ông Tả. Việc ông Tả cho đất vợ chồng anh H chị H1 thì ông cũng được nghe. Nay bà M và các con bà M nói là không chia đất cho chị H1. Khi ông Tả ốm đau chị H1 là người chăm sóc, lo toan cơm nước cho ông Tả. Năm 2019 bà M về quê, bà M có mời ông và có một số người trong họ đến nhà bà M, bà M nói là cho đất cháu H2, ông là người lập biên bản, sau khi lập biên bản mọi người đã vào biên bản hôm có có mặt cháu H2 cháu H2 cũng ký vào biên bản, sau khi lập văn bản xong thì ông đưa cho bà M cầm. Trong trường hợp mà Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh H và chị H1 đối với phần tài sản là đất đai mà chị H1 đề nghị giải quyết thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét tránh sự thiệt thòi cho chị H1.

Bà Phạm Thị Tẩm trình bày: Năm 2017 anh H có gửi tiền qua bưu điện để nhờ bà lấy hộ cho anh H, bà nhớ đợt đó anh H gửi cho chị H1 số tiền là khoảng 1.000.000đ. Trước khi anh H gửi tiền về cho bà có điện thoại nói với bà là gửi tiền về cho con anh H là cháu H2, bà đã nhất trí. Sau khi nhận được tiền từ bưu điện bà đã gọi điện cho chị H1 biết, chị H1 đã bảo cháu H2 ra nhà bà lấy tiền, bà đã đưa số tiền này cho cháu H2. Năm 2018 anh H lại gửi cho bà số tiền là 700.000đ cũng qua bưu điện, anh H gọi điện cho bà nhờ bà để nhận số tiền này để đưa cho chị H1. Sau khi bà nhận được số tiền này bà gọi điện cho chị H1 biết, chị H1 đã bảo cháu H2 ra nhà bà lấy, bà đã đưa số tiền này cho cháu H2.

Bà Phạm Thị Thêu trình bày: Tháng 9 năm 2019 anh H có gửi tiền qua bưu điện để nhờ bà lấy hộ số tiền 2.000.000đ để đưa cho chị H1. Sau khi bà nhận tiền từ bưu điện về bà gọi điện cho chị H1, ban đầu chị H1 nói là không cần số tiền này, bà gọi điện lại cho anh H là chị H1 nói không cần số tiền này, anh H nói là cứ để lại số tiền đó. Sau khoảng 10 ngày cháu H2 ra nhà bà lấy số tiền này, bà

đã đưa số tiền này cho cháu H2. Ngoài lần này ra thì anh H không nhờ bà lần nào nữa.

Kết quả xem xét thẩm định giá tài sản:

- Giá đất ở theo nhà nước là 2.000.000đ/m² còn theo giá thị trường là 5.000.000đ.

- Giá đất vườn, ao theo giá nhà nước là 75.000/m², còn theo giá thị trường là 2.300.000đ/m².

- Phần diện tích đất chị H1 trình bày được ông Tả viết văn bản cho chị H1 và anh H, chị H1 đã đổ đất vào phần ao: Kết quả xác định là 19 m³, giá trị là 120.000đ/m³ (19x 120.000đ = 2.280.000đ).

Kết quả thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phong thể hiện:

Sau khi kết hôn, anh H và chị H1 sống cùng với bố mẹ anh H là ông Phạm Văn Tả, bà Nguyễn Thị M tại xóm 17, xã Xuân Phong. Quá trình chung sống giữa anh H và chị H1 có xảy ra mâu thuẫn, ngoài ra còn phát sinh mâu thuẫn giữa chị H1 với bà M trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Anh H và chị H1 chỉ ở với nhau một thời gian thì anh H đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà thăm vợ con. Đã từ lâu vợ chồng anh H, chị H1 sống ly thân. Nay anh H xin ly hôn còn chị H1 mong muốn đoàn tụ, địa pH2 thấy vợ chồng anh H, chị H1 không có khả năng hàn gắn hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh H, chị H1 có một con chung là cháu Phạm Lan H2, sinh ngày 10/10/2001, hiện cháu H2 đang H năm thứ hai đại H Kiến Trúc Hà Nội. Nay cháu H2 đã trưởng thành đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Về tài sản: Anh H và chị H1 sống cùng với ông Phạm Văn Tả, bà Nguyễn Thị M ở xóm 17, xã Xuân Phong một thời gian sau đó anh H rồi đến bà M đi làm ăn ở trong Miền Nam. Chị H1 ở nhà sống cùng với ông Tả, sau đó ông Tả đi vào Miền Nam cùng với vợ con và chết ở trong đó. Trong thời gian chị H1 ở cùng với ông Tả, ngày 12/5/2006, ông Tả có viết giấy cho con dâu là Nguyễn Thị H1 đất làm nhà trong có viết ở vị trí kê phía Tây thổ đất ông bà Phạm Văn Tọa với các cạnh: Chiều Đông Tây phía Bắc là 9m, chiều phía Đông Nam là 11,6, chiều Bắc nam hết thổ đất khoảng 24m, khi viết giấy ông Tả có mời xóm trưởng anh em trong dòng họ đến chứng kiến. Tuy nhiên phần đất mà ông Tả cho đất vợ chồng chị H1 chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về đóng nghĩa vụ thuế nhà đất với nhà nước trước đây do ông Tả nộp, những năm gần đây thì nhà nước miễn, còn việc đóng nghĩa vụ về nhà đất với nhà nước thì chị H1 không đóng góp. Chị H1 chỉ nộp tiền phí giao thông xã và các khoản khác liên quan đến khoản chị H1 phải đóng góp của chị H1. Khi ông Tả còn sống có viết giấy cho đất để chị H1 làm nhà ở, cán bộ địa chính xã thời gian năm 2006 có mời cán bộ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện đến đo đạc nhưng chị H1 chưa hoàn tất được giấy tờ thủ tục, vì vậy chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận sang tên cho chị H1. Đề nghị Tòa án khi giải quyết ly hôn giữa anh H và chị H1 xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật đối với các đương sự để đảm bảo quyền lợi cho đương sự để tránh thiệt thòi.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đã quyết định.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 168 của Luật đất đai năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H (Phạm Văn Ngh) và chị Nguyễn Thị H1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị H1 về công nhận giấy nhượng đất ngày 12/5/2006 của ông Phạm Văn Tả.

Giao cho chị Nguyễn Thị H1 và cháu Phạm Lan H2 được quyền sử dụng diện tích 70,9m² đất, (giá trị 70,9m² x 2.300.000đ/m² = 163.070.000đ) thửa đất số 53, tờ bản đồ 11, ở Xóm 17, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định (giáp với phần đất của nhà anh Phạm Văn Vinh).

(Về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/01/2022 anh Phạm Văn H làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do cho rằng việc ông Phạm Văn Tả viết Giấy nhượng đất cho chị H1 vào ngày 12/5/2006 là không hợp pháp, vô hiệu cả về hình thức và nội dung. Bởi vì Giấy nhượng đất ngày 12/5/2006 không được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; thửa đất có diện tích 2519 m² được cấp cho hộ ông Phạm Văn Tả là tài sản chung hợp nhất của các thành viên trong hộ gia đình; Giấy nhượng đất ngày 12/5/2006 là hành vi đơn phương, không được các thành viên trong hộ gia đình đồng ý. Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm, tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung chia cho chị H1 và cháu Phạm Lan H2 70,9 m² đất trong thửa đất của hộ gia đình chúng tôi.

Ngày 11/02/2022 anh Phạm Văn H làm đơn kháng cáo bổ sung với lý do cho rằng việc ông Phạm Văn Tả viết Giấy nhượng đất cho cô H1 vào ngày 12/5/2006 là không hợp pháp, vô hiệu cả về hình thức và nội dung; những nội dung này đã được các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm và đã được ghi nhận trong bản án sơ thẩm, nhưng tòa án cấp sơ thẩm

không đưa ra được lý do để bác bỏ quan điểm pháp lý của luật sư, vẫn chia một phần đất 70,9 m² cho chị H1 và cháu Phạm Lan H2. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, sửa một phần bản án sơ thẩm tuyên hủy nội dung chia cho chị H1 và cháu Phạm Lan H2 70,9 m² đất trong thừa đất của hộ gia đình chúng tôi.

Ngày 26/01/2022 chị Nguyễn Thị H1 và cháu Phạm Lan H2 làm đơn kháng cáo với lý do diện tích đất 70,9 m² mà bản án sơ thẩm chia cho mẹ con chị là chưa thỏa đáng, so với công sức đóng góp trong thời gian hơn 20 năm mà chị đã bỏ ra chăm lo, vun vén, nuôi bố chồng khi ốm đau, bệnh tật. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho mẹ con chị 150 m² đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị H1 giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H1, sửa một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung; đề nghị Hội đồng xét xử chia cho chị H1 từ 100 đến 150 m² đất.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn H và đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị H1 được làm trong cùng một ngày 26/01/2022 là trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo bổ sung của anh Phạm Văn H ngày 11/02/2022 được xác định quá hạn luật định; tuy nhiên do nội dung kháng cáo bổ sung của anh H không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H1; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về giá trị pháp lý của Giấy nhượng đất ngày 12/5/2006 của ông Phạm Văn Tả cho vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Nguyễn Thị H1 (BL111-110); Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù Giấy nhượng đất ngày 12/5/2006 của ông Phạm Văn Tả

chưa tuân thủ về mặt hình thức theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên nội dung của Giấy nhượng nêu trên không trái pháp luật, bởi vì tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Văn Tả, bà Nguyễn Thị M được xác định là 665 m² đất do ông bà tạo lập trong quá trình chung sống; trong đó có 175 m² đất ở, 380 m² đất vườn tạp, 110 m² đất ao có số thửa 53 thuộc tờ bản đồ số 11 đã được Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/12/1998, ngoài ra trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này còn ghi nhận diện tích đất canh tác mà các thành viên trong hộ gia đình ông Tả được giao; trong Giấy nhượng đất ngày 12/5/2006 có nội dung ông Tả nhượng cho vợ chồng anh H, chị H1 phần đất có kích thước: Chiều đông tây phía Bắc là 09 m; Chiều đông tây phía Nam là 11.6 m; chiều Bắc Nam hết thổ đất là 24 m với diện tích khoản 247,2 m². Như vậy việc ông Tả tự nguyện nhượng đất cho vợ chồng anh H, chị H1 là trong phần quyền của ông được hưởng hay nói cách khác là chưa vượt quá $\frac{1}{2}$ phần quyền của ông Tả ($665 \text{ m}^2 : 2 = 332,5 \text{ m}^2$). Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xác định tài sản chung của vợ chồng anh H, chị H1 là 247,2 m² đất được ông Tả nhượng (tặng cho) theo Giấy nhượng đất vào ngày 12/5/2006, nay ly hôn cần xem xét phân chia số tài sản nêu trên cho anh H, chị H1.

Xét về công sức đóng góp: Hội đồng xét xử nhận thấy. Mặc dù 247,2 m² có nguồn gốc của ông Tả tặng cho vợ chồng anh H, chị H1. Nhưng vào năm 1999 sau khi kết hôn vợ chồng anh H chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh H bỏ vào miền nam sinh sống, trong khi chị H1 đang mang thai cháu Phạm Lan H2. Trong hơn 20 năm qua bản thân anh H với tư cách là người chồng, người cha gần như không có trách nhiệm gì đối với gia đình cũng như việc trông coi, duy trì, tôn tạo khối tài sản nói trên. Trong khi đó bản thân chị H1 ở nhà tần tảo một mình lao động nuôi con, đóng góp đáng kể một phần công sức vào việc trông coi, duy trì, tôn tạo khối tài sản chung của gia đình cũng như việc chăm sóc, phụng dưỡng bố chồng là ông Phạm Văn Tả. Vì vậy cần phải xác định bản thân chị H1 là người có công sức đóng góp nhiều hơn so với anh H trong việc trông coi, duy trì, tôn tạo khối tài sản chung của vợ chồng; để trên cơ sở đó mà phân chia cho chị H1 được hưởng phần tài sản cho tương xứng với công sức mà chị đã đóng góp. Xét thấy cấp sơ thẩm phân chia cho chị H1 và cháu Phạm Lan H2 được quyền sử dụng 70,9 m² đất là chưa tương xứng với phần công sức đóng góp của chị H1. Hiện nay bản thân chị H1 và cháu Phạm Lan H2 ngoài chỗ ở trên thửa đất của gia đình ông Tả ra thì không có chỗ ở nào khác. Vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ và con sau khi ly hôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 95 Luật Hôn nhân và Gia đình, cũng như để đánh giá thỏa đáng công sức mà chị H1 đã đóng góp vào việc trông coi, duy trì, tôn tạo khối tài sản chung của vợ chồng; Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của chị H1. Sửa bản án sơ thẩm phân chia cho chị H1 và cháu Phạm Lan H2 được hưởng phần tài sản nhiều hơn so với anh H. Bác đơn kháng cáo của anh H đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy nội

dung chia cho chị H1 và cháu Phạm Lan H2 70,9 m² đất trong thửa đất của hộ gia đình anh.

[3] Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận cho nên anh Phạm Văn H phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận cho nên chị Nguyễn Thị H1 không phải nộp tiền án phí phúc thẩm; hoàn lại cho chị H1 số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

Án phí giá ngạch chia tài sản sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị H1 có đơn xin miễn, giảm tiền án phí trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn; bản thân chị H1 thường xuyên đau yếu bệnh tật, một mình nuôi con ăn H đại H, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét giảm cho chị H1 50% tiền án phí giá ngạch chia tài sản.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án sơ thẩm

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 168 của Luật đất đai năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H (Phạm Văn Ngh) và chị Nguyễn Thị H1.

2. Về tài sản: Giao cho chị Nguyễn Thị H1 và cháu Phạm Lan H2 được quyền sử dụng diện tích 153,52 m² đất, (giá trị $153,52 \text{ m}^2 \times 2.300.000\text{đ/m}^2 = 353.096.000$ đồng) thửa đất số 53, tờ bản đồ 11, ở Xóm 17, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định; có vị trí như sau: Cạnh Phía Bắc giáp đường trục xã dài 5m; cạnh phía Đông giáp hộ ông Phạm Văn Tọa (Phạm Văn Vinh) dài 14,18m + 2,65m + 10,8m; cạnh phía Nam giáp đất hai lúa dài 7,65m; cạnh phía Tây giáp hộ ông Phạm Văn Tả dài 24,98m.

(Về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Văn H phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0002918 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, anh H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0002915 ngày 26/01/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Án phí giá ngạch chia tài sản sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp số tiền 8.827.400đ (Tám triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai H2

Vũ Thị Thu

Vũ Hà Nam

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam